

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Đắk Tô năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2026; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 04/3/2026 của UBND xã ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số xã Đắk Tô giai đoạn 2026 - 2030, Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số xã Đắk Tô năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tập trung nguồn lực để tăng tốc chuyển đổi số toàn diện xã Đắk Tô; hình thành dữ liệu thống nhất, vận hành thông minh; nâng cao năng suất, cải thiện chất lượng dịch vụ công; thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; triển khai đầy đủ các yêu cầu cơ bản về đảm bảo an toàn thông tin theo quy định.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số. Kiện toàn, phát triển nhân lực chuyển đổi số trong khu vực cơ quan hành chính nhà nước; triển khai các chương trình hợp tác đã ký kết cho mục tiêu huy động nguồn nhân lực, công nghệ; phát triển Mạng lưới chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng (Tổ CNSCĐ).

2. Mục tiêu cụ thể: Phân đầu đến hết năm 2026 hoàn thành các chỉ tiêu tại Phụ lục kèm theo.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, xuyên suốt giữa các cơ quan, đơn vị.

- Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo) ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo năm 2026.

- Tăng cường ứng dụng dữ liệu số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức theo chỉ đạo tạo Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động chuyển đổi số tại địa bàn xã.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực thi các chương trình, kế hoạch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại xã.

- Xây dựng, sửa đổi, ban hành các văn bản pháp luật của xã phù hợp chính quyền địa phương 2 cấp, thúc đẩy chuyển đổi số.

- Xây dựng, ban hành các văn bản để thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực: Khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; Triển khai Đề án của Trung ương về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Xây dựng, ban hành Quy chế quản lý dữ liệu xã; Kiến trúc tổng thể số; Kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế số - xã hội số giai đoạn 2026-2030.

- Triển khai chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ Công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và cải cách hành chính xã *(khi có hướng dẫn của cấp có thẩm quyền)*.

- Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu đối với các Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu do xã quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Triển khai danh mục ứng dụng, nền tảng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng; thúc đẩy triển khai các ứng dụng, nền tảng dùng chung trên mạng Truyền số liệu chuyên dùng theo hướng dẫn của tỉnh và các sở ngành.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục phủ sóng di động tại các cụm dân cư đã có điện lưới Quốc gia, còn lùm sóng; phát triển internet băng rộng cố định đến hộ gia đình; phủ sóng 5G tại các khu vực đông dân cư.

- Tập trung đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động chính quyền địa phương và Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã đáp ứng tiêu chuẩn, quy định.

- Hoàn thiện, bảo đảm trong quy hoạch phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số *(ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển nhà trạm thu phát sóng di động, hạ tầng băng rộng, trung tâm dữ liệu ...)*.

- Thúc đẩy tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thông như giao thông vận tải, năng lượng, đô thị thông minh, y tế và giáo dục, cơ sở hạ tầng công cộng *(triển khai sau khi có hướng dẫn của cấp trên)*.

4. Nhân lực số

- Duy trì, triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, chính phủ số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động.

- Đăng ký các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc; dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp; về ATTT; đào tạo nâng cao

trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin,...

- Đăng ký và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ xã, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

- Thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng chương trình và tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa, ưu tiên triển khai tại nông thôn, vùng sâu vùng xa và với nhóm người cao tuổi.

5. Phát triển dữ liệu số

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển dữ liệu số theo Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 04/4/2025 về thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 06/10/2025 triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 27/09/2025 triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 12/12/2025 về triển khai thực hiện Đề án xây dựng và quản lý hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo kết nối, chia sẻ CSDL với Trung tâm điều hành thông minh tỉnh (IOC).

- Số hóa 100% hồ sơ giải quyết TTHC phát sinh trong hoạt động hằng ngày, thúc đẩy nâng cao tỷ lệ tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt mức trung bình của cả nước.

6. An toàn thông tin mạng

- Triển khai đầy đủ, kịp thời đối với các khuyến cáo, cảnh báo của Bộ Công an; tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về an toàn trên không gian mạng, tổ chức hoạt động đào tạo trực tuyến cho người dân, người lao động và đưa nội dung hướng dẫn về an toàn thông tin vào hoạt động của Tổ CNSCD.

- Cử công chức, viên chức tham gia tập huấn nâng cao kỹ năng xử lý cho lực lượng cán bộ kỹ thuật tại cơ quan nhà nước; tổ chức hoạt động diễn tập đối với Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh, tham gia đầy đủ các hoạt động diễn tập thực chiến, tham gia đầy đủ các hoạt động trong mạng lưới an toàn thông tin do các cơ quan trong nước và quốc tế tổ chức để nâng cao kỹ năng thực chiến.

- Tổ chức hoạt động kiểm tra định kỳ, đột xuất về an toàn thông tin; cử công chức, viên chức tham gia hoạt động của Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Quảng Ngãi.

- Triển khai công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các các Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu (*nhất là các Cơ sở dữ liệu quốc gia, các Cơ sở dữ liệu ngành*) do xã quản lý, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp. Phối hợp rà soát triển khai Hệ thống phòng chống mã độc tập trung tại xã.

7. Chính quyền số

a) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục rà soát, tái cấu trúc quy trình, thành phần hồ sơ thủ tục hành chính.
- Ban hành các văn bản chỉ đạo để đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến.

- Rà soát, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

- Thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

b) Quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số.

Triển khai hiệu quả Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030. Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc về việc ban hành danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng; Văn bản số 1876/BKHCN-CĐSQG ngày 28/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xác định hạ tầng số, phần mềm, ứng dụng dùng chung (cấp trung ương, tỉnh xã) để tránh đầu tư trùng lặp, chồng chéo, lãng phí; Văn bản số 4577/BKHCN-CĐSQG ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn triển khai các nền tảng số dùng chung toàn quốc

Phối hợp triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động theo Công văn số 557/BKHCN-CĐSQG ngày 31/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn một số nguyên tắc chung đối với công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước sử dụng các mô hình ngôn ngữ lớn (chatbot AI) phục vụ công việc.

8. Kinh tế số và xã hội số

a) Triển khai các hoạt động phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung thúc đẩy kinh tế số 5 nhóm ngành, lĩnh vực trọng tâm theo Kế hoạch 114/KH-UBND ngày 21/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thúc đẩy phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực tại Quảng Ngãi.

- Phát triển kinh tế số và xã hội số khu vực nông thôn theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 và hướng dẫn của Bộ NN&PTNT tại Công văn số 3445/BNV-VPĐP ngày 29/5/2023 về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã Nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử.

b) Triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển xã hội số

- Thúc đẩy triển khai hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh về cơ quan thuế.

- Hướng dẫn cách thức đăng ký, sử dụng chữ ký số, kiểm tra chữ ký số nhằm thúc đẩy người dân thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới tăng cường trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử.

- Tiếp tục triển khai trường học số, ưu tiên trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; công tác giảng dạy và học tập; ứng dụng hồ sơ học bạ điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tiếp tục triển khai bệnh viện số, ưu tiên phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; triển khai và sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy; thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

- Nâng cao nhận thức, kỹ năng và mức độ tham gia của người dân vào xã hội số; Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong đời sống, học tập, lao động, quản lý xã hội.

- Phát triển các mô hình xã hội số tiêu biểu: Tổ công nghệ số cộng đồng; Khu dân cư số; Chợ số – tiêu thương số...

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

Đẩy mạnh truyền thông về Chuyển đổi số; tiếp tục tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia bằng phương thức mới, cách làm mới; thực hiện truyền thông chuyển đổi số trên môi trường đa nền tảng, huy động nguồn lực truyền thông xã hội trong truyền thông chuyển đổi số; đẩy mạnh hoạt động của Mạng lưới chuyển đổi số, Mạng lưới tư vấn viên chuyển đổi số và đặc biệt, lấy hoạt động của Tổ CNSCĐ là hạt nhân, nòng cốt trong truyền thông và nâng cao kỹ năng số, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin trong cộng đồng.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hoạt động BCD về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06 xã; tổ chức phiên họp định kỳ để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá chỉ đạo đối với nhiệm vụ giao cho các cơ quan, đơn vị; thực hiện đánh giá chuyển đổi số (DTI) sử dụng kết quả trong đánh giá hằng năm về trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

Triển khai các nội dung, chương trình truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, phong phú, phù hợp từng đối tượng với thời lượng, hình thức phù hợp, hiệu quả, thực chất.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Thực hiện biện pháp, chính sách thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyển ngạch nâng ngạch, nâng lương trước thời hạn, khen thưởng năm và khen thưởng chuyên đề.

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực đang có xu hướng phát triển như dữ liệu, bán dẫn cho mục tiêu tăng tốc về kinh tế số.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Triển khai thực hiện Thỏa thuận hợp tác chiến lược về Chuyển đổi số với các cơ quan, tổ chức liên quan; nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,... và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Chuyển đổi số.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Thực hiện mục tiêu đảm bảo tỷ lệ chi hàng năm cho chuyển đổi số **là tối thiểu 1%** tổng chi ngân sách xã theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh¹.

- Bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, lồng ghép sử dụng các nguồn hợp pháp khác cho chuyển đổi số như nguồn vốn từ Chương trình MTQG; bố trí đầu tư các hạng mục về hạ tầng, có tính chất hạ tầng về Chuyển đổi số tại các dự án đầu tư xây dựng; thực hiện kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn đảm bảo theo quy định, quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu

¹ Về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

trong nước; tăng cường hiện diện trên môi trường số một cách đảm bảo an ninh, an toàn nhằm chia sẻ kinh nghiệm, các sáng kiến; đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính quyền số, sản phẩm, dịch vụ kinh tế và kinh tế số xã Đắk Tô.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã: Căn cứ nội dung của Kế hoạch này và theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cải cách chế độ báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục triển khai số hóa, quản lý, khai thác dữ liệu hộ tịch, cập nhật dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

- Chủ trì, phối hợp với phòng, đơn vị thuộc xã tham mưu Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 27/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội theo dõi, đôn đốc các phòng, đơn vị thuộc xã thực hiện theo Kế hoạch này.

3. Phòng Kinh tế

- Phối hợp Phòng Văn hóa - Xã hội và các phòng, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp khả năng cân đối ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân xã bố trí nguồn chi đầu tư phát triển cho các nhiệm vụ, dự án theo quy định.

- Tham mưu ưu tiên kinh phí triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số có liên quan đến nội dung triển khai Kế hoạch này.

4. Công an xã

- Tiếp tục tổ chức làm sạch, cập nhật đầy đủ, chính xác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; triển khai cấp phiếu lý lịch tư pháp trên các hệ thống thông tin, ứng dụng định danh điện tử (VNelD) theo hướng dẫn của Bộ Công an.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị thuộc xã tham mưu Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện các chỉ đạo của Công an tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 06/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Nghị

quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện và Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0) trên địa bàn xã.

5. Giao phòng Văn hóa - Xã hội

- Trên cơ sở các mục tiêu, nội dung nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các phòng, đơn vị thuộc xã triển khai thực hiện; Tham mưu triển khai đảm bảo việc tổ chức thực hiện được kiểm tra chặt chẽ, đạt hiệu quả; tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

- Tăng cường công tác tham mưu về hoạt động của Ban chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06. Hướng dẫn hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng.

- Phối hợp các phòng, đơn vị thuộc xã, tham mưu Ủy ban nhân dân xã triển khai các nội dung chuyên ngành liên quan đảm bảo kịp thời, đúng nội dung thực hiện; tham mưu thực hiện các lĩnh vực y tế, nông nghiệp, giáo dục, môi trường, giao thông, logistics, du lịch,... ưu tiên tập trung số hóa mạnh mẽ, cùng với việc chú trọng phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao và phổ cập kỹ năng số cho người dân.

- Ưu tiên kinh phí triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số có liên quan đến nội dung triển khai Kế hoạch này.

- Tham mưu và tổ chức đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nhằm nâng cao nhận thức của các cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân tại địa bàn xã về các nội dung và kết quả triển khai Kế hoạch chuyển đổi số của xã.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số xã Đắk Tô năm 2026; yêu cầu các phòng, đơn vị thuộc xã nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Thường trực HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- BTT UBMTTQVN xã;
- Văn phòng Đảng ủy;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Công an xã, Ban Chỉ huy Quân sự xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, VHXXHĐTM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Quang Phúc

Phụ lục
MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026 XÃ ĐẮK TÔ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đắk Tô)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
I	Chính quyền số		
1	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến toàn trình, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	80%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
4	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
5	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đủ điều kiện	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
6	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	95%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
7	Tỷ lệ các dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI	30%	Trung tâm Phục vụ hành chính công

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
8	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc	100%	Văn phòng HĐND và UBND xã chủ trì đánh giá; Các phòng, đơn vị triển khai thực hiện
9	Tỷ lệ chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo	100%	Các phòng, đơn vị thuộc xã
10	Tỷ lệ nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở ngành giao xã triển khai thực hiện được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.	100%	Các phòng, đơn vị thuộc xã
11	Tỷ lệ các cơ quan thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn xã triển khai trao đổi, xử lý văn bản mật trên mạng mật của Trung ương	100%	- Văn phòng Đảng ủy xã; - Các phòng, đơn vị thuộc xã (<i>Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì; các phòng, đơn vị liên quan phối hợp</i>)
II	Hạ tầng và dữ liệu số		
1	Đảm bảo hệ thống mạng nội bộ LAN tại cơ quan, đơn vị hoạt động thông suốt và an toàn thông tin	100%	Các phòng, đơn vị thuộc xã

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
2	Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung của xã; các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng và liên thông từ Trung ương đến cấp xã	90%	Phòng Văn hóa - Xã hội; Văn Phòng HĐND và UBND xã
3	Đài truyền thanh cấp xã có Ứng dụng công nghệ (Truyền thanh thông minh)	100%	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã
4	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của xã được số hóa và liên thông với tỉnh	50%	Các phòng, đơn vị thuộc xã
5	Tỷ lệ hoàn thành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của xã	50%	Các phòng, đơn vị thuộc xã
6	Tỷ lệ bộ dữ liệu dùng chung của xã được công khai dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp và nghiên cứu	20%	Các phòng, đơn vị thuộc xã
III	Kinh tế số và Xã hội số		
1	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử	80%	Phòng Kinh tế
2	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	50%	Phòng Kinh tế
3	Tỷ lệ người dân trưởng thành có tài khoản định danh điện tử mức 2 (VNeID).	87%	Công an xã
4	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử	15%	Phòng Văn hóa - Xã hội
5	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đảm bảo “đúng - đủ - sạch - thống nhất - dùng chung”	83%	Phòng Văn hóa - Xã hội

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
6	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn xã triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội
IV	An toàn thông tin		
1	Tỷ lệ khai báo, phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	100%	Công an xã
2	Tỷ lệ các phòng, đơn vị triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ	100%	Các phòng, đơn vị thuộc xã
3	Đảm bảo người dân được tiếp cận thông tin cảnh báo an toàn thông tin	100%	Công an xã
V	Nguồn nhân lực		
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản, AI	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội
2	Tỷ lệ Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả, duy trì tập huấn	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội
3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông có kế hoạch và triển khai hoạt động phổ cập kỹ năng số cho học sinh	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội
4	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành được tiếp cận, tập huấn, tuyên truyền về kỹ năng số cơ bản	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
5	Tỷ lệ người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã được tiếp cận, tập huấn, tuyên truyền về kỹ năng số cơ bản	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế